TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2019.
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

2. Ông Lê Hoàng Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Hà Thiên Tâm – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 tranh chấp về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà P, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: đường A, phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông H, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường A, phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và lời khai tại tòa, nguyên đơn bà P trình bày:

Bà P và ông H tự nguyện chung sống năm 1994 có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 08 ngày 30/12/1994.

Quá trình chung sống, thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, nhưng những năm sau xảy ra nhiều mẫu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Ông H thường la mắng, đánh đập và đôi khi có hành vi đe dọa, khiến bà P tổn thương về thể

chất lẫn tinh thần một cách nghiêm trọng. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà P xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh V, sinh ngày 13/9/1995 (đã thành niên) và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/11/2010 sẽ do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P khai không có.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Phương đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông H vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, bị đơn đã được Toà án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Toà án căn cứ vào lời khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà P yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông H cư trú tại Quận M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P và ông H.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 107, quyển số 08 do UBND phường C, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/12/1994, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống. Những bất đồng giữa đôi bên tuy là những mâu thuẫn thông thường trong đời sống vợ chồng, nhưng do thiếu sự thông cảm, vun đắp nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng dẫn đến không thể hàn gắn được. Vợ chồng mạnh ai nấy sống không yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Tình trạng này kéo dài cho thấy một thực tế đã và đang tồn tại trong mối quan hệ vợ chồng là không cải thiện được.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà P đều xác định không còn tình cảm với ông H. Ông H trực tiếp nhận được các văn bản của Tòa nhưng không đến Tòa để hòa giải, tham dự phiên tòa cho thấy ông không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ cùng nhau chung sống, chăm sóc và nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn sự gắn bó về trách nhiệm giữa đôi bên với nhau để xây dựng hạnh phúc mà mâu thuẫn phát sinh giữa hai bên ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên:

Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Thanh T. Ông H không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Xét việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nguyện vọng của trẻ H là được ở với mẹ, nên Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Thanh T cho bà P trực tiếp nuôi là phù hợp.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có thể thỏa thuận về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà P khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6 điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 12/11/2010 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà P khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà P khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà P chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017180 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Quận M,
- Chi cục THADS Quận M,
- UBND phường C;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nhất Dũng